

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ I NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho quý I năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Vũ	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hưng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Minh Hồi	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vui	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Xuân Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hồi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Vui	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho quý I năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Đức Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị: VNĐ

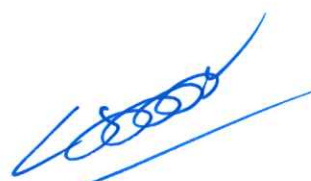
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.967.947.657.689	3.899.266.764.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	101.913.922.139	7.179.846.173
1. Tiền	111		101.913.922.139	7.179.846.173
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		196.720.369.863	126.720.369.863
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	196.720.369.863	126.720.369.863
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.327.763.626.979	3.455.363.519.527
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	451.651.896.409	552.154.160.302
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	171.780.496.473	35.833.710.777
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	19.286.955.009	42.760.700.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.717.844.547.779	2.857.415.217.139
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	11	(32.800.268.691)	(32.800.268.691)
IV. Hàng tồn kho	140	12	337.935.209.782	306.681.337.675
1. Hàng tồn kho	141		337.935.209.782	306.681.337.675
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.614.528.926	3.321.691.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.162.847.960	2.994.067.777
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		208.411.964	84.354.973
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		243.269.002	243.269.002
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.975.538.258.640	2.952.651.003.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.479.105.011.805	2.457.281.858.067
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	2.502.655.011.805	2.480.831.858.067
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(23.550.000.000)	(23.550.000.000)
II. Tài sản cố định	220		148.790.479.349	152.730.780.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	107.455.781.488	110.160.358.282
- Nguyên giá	222		177.624.488.739	178.285.003.285
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70.168.707.251)	(68.124.645.003)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	41.334.697.861	42.570.422.251
- Nguyên giá	228		60.647.443.129	60.647.443.129
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19.312.745.268)	(18.077.020.878)
III. Bất động sản đầu tư	230		175.203.045.336	176.588.698.677
- Nguyên giá	231		191.651.563.604	191.651.563.604
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(16.448.518.268)	(15.062.864.927)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	170.830.000.000	164.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		170.830.000.000	164.080.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	13	1.609.722.150	1.969.666.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.609.722.150	1.969.666.509
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.943.485.916.329	6.851.917.768.776

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.438.039.401.793	1.348.538.728.770
I. Nợ ngắn hạn	310		1.229.175.267.842	1.272.085.001.496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	68.749.486.208	105.700.143.183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	4.033.316.891	6.271.753.058
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	19	75.896.605.794	73.098.854.471
4. Phải trả người lao động	314		17.773.851.388	45.459.641.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.605.011.589	18.736.188.232
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.098.323.675	2.796.327.537
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	132.795.494.279	98.756.874.758
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	909.193.758.675	921.235.799.690
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.419.343	29.419.343
II. Nợ dài hạn	330		208.864.133.951	76.453.727.274
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		68.051.395.902	68.055.155.893
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	5.461.626.929	7.886.626.929
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	135.351.111.120	511.944.452
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.505.446.514.536	5.503.379.040.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	5.505.446.514.536	5.503.379.040.006
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.636.785.340.000	4.636.785.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.636.785.340.000	4.636.785.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149.798.900.000	149.798.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.000.000.000	36.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.080.000)	(1.080.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		131.976.589.086	131.976.589.086
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		550.886.765.450	548.819.290.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		548.819.290.920	504.149.986.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.067.474.530	44.669.304.648
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.943.485.916.329	6.851.917.768.776


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



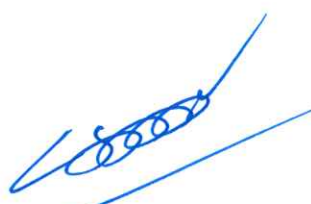

Phạm Đức Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 4 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
Quý I năm 2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	23	100.071.117.130	465.301.112.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	23	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		100.071.117.130	465.301.112.951
4. Giá vốn hàng bán	11	24	65.948.028.027	400.035.325.110
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.123.089.103	65.265.787.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.364.377.175	11.716.462.490
7. Chi phí tài chính	22	27	17.855.400.086	17.016.917.616
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.855.400.086	17.016.917.616
8. Chi phí bán hàng	25	25	1.253.119.124	4.108.958.997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.972.158.193	25.053.019.599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.406.788.875	30.803.354.119
11. Thu nhập khác	31	28	699.011.683	63.912.376
12. Chi phí khác	32	29	2.072.889.844	18.793.395.537
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.373.878.161)	(18.729.483.161)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.032.910.714	12.073.870.958
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	961.226.789	2.468.774.274
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.071.683.925	9.605.096.684


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Phạm Đức Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 4 năm 2025

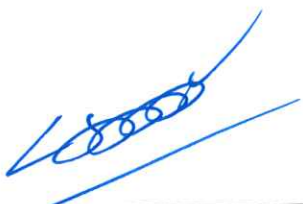


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý I năm 2025

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		3.032.910.714	12.073.870.958
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		4.665.439.979	4.380.938.886
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2.728.013.539)	26.883.580.579
- Chi phí lãi vay	6		17.855.400.086	17.016.917.616
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		22.825.737.240	60.355.308.039
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		74.805.628.732	(135.230.440.961)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.253.872.107)	88.875.083.782
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(33.292.692.639)	2.072.688.837
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		191.164.176	5.230.411.234
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.527.005.356)	(32.702.091.203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(505.941.591)	(421.481.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.243.018.455	(11.820.521.975)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		400.000.000	50.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.601.255.009)	(28.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.075.000.000	20.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.750.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		570.186.867	951.677.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.306.068.142)	(6.998.322.382)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		751.049.496.291	642.145.981.025
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(628.252.370.638)	(668.384.342.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		122.797.125.653	(26.238.361.438)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		94.734.075.966	(45.057.205.795)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.179.846.173	100.369.795.742
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		101.913.922.139	55.312.589.947


Nguyễn Công Sơn
 Người lập biểu


Lê Thị Lan
 Kế toán trưởng


Phạm Đức Hùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 4 năm 2025



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Thể kỷ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101160306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001, thay đổi lần thứ 23 ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính;
- Môi giới thương mại; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 10 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thể Kỷ	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	Hà Nội	80%	80%	Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet, quảng cáo, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	80%	80%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động
Công ty TNHH Cen Prime	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty TNHH Cen Cuckoo	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Cen Academy	Hà Nội	56%	56%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sản giao dịch bất động sản; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Giáo dục khác chưa được phân vào đầu (trừ hoạt động của các tổ
Công ty Cổ phần CEN HCM	Tp. Hồ Chí Minh	94%	94%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	Hà Nội	51%	51%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá
Công ty Cổ phần Bất động sản An Holding	Hà Nội	33,3%	70%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho quý I năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty phản ánh giá trị các hàng hóa bất động sản hình thành từ các dự án kinh doanh bất động sản do Công ty mua lại từ các chủ đầu tư, các hàng hóa bất động sản này sẽ được bán dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp để có được hàng hóa bất động sản ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	16.877.224.328	5.018.220.251
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.036.697.811	2.161.625.922
	101.913.922.139	7.179.846.173

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	196.720.369.863	126.720.369.863
	196.720.369.863	126.720.369.863

- (i) Tại ngày 31/3/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,41 – 5,35%/năm và toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này chủ yếu được dùng để đảm bảo các khoản vay.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	170.830.000.000	-	170.830.000.000	164.080.000.000	-	164.080.000.000
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	74.500.000.000	-	74.500.000.000	74.500.000.000	-	74.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty TNHH Cen Prime (đổi tên từ Công ty Cổ phần M&I Thế Kỷ)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Thương hiệu CEN	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Cen Cuckoo	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Cen HCM	13.400.000.000	-	13.400.000.000	8.150.000.000	-	8.150.000.000
Công ty Cổ phần Cen Academy	12.880.000.000	-	12.880.000.000	12.880.000.000	-	12.880.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản An Holding	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land	4.681.305.919	4.050.253.962
Công ty Cổ phần Vinhomes	2.170.516.745	-
Công Ty Cổ Phần VMF	6.896.645.982	6.896.645.982
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Minh	-	25.615.005.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	53.257.983.646	53.257.983.646
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	81.997.402.756	98.574.294.481
Khách hàng mua DA Trinity Tower	629.361.780	629.361.780
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Toàn Thịnh Land	1.798.657.749	1.798.657.749
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	26.014.770.668	26.014.770.668
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Belleville Hà Nội	5.218.930.208	5.218.930.208
Công ty Cổ phần Cen Academy	40.452.132.585	33.289.713.410
Khách hàng mua DA Hoa Tiên Paradise	58.067.395.196	58.345.594.572
Các khoản phải thu khách hàng khác	170.466.793.175	272.573.716.653
	451.651.896.409	552.154.160.302
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	212.350.537.890	218.414.399.659

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn	3.760.700.000	3.760.700.000
Công ty Cổ phần Consgroup	8.925.000.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần tổng công ty hợp tác kinh tế Việt Lào	6.601.255.009	-
	19.286.955.009	42.760.700.000
Phải thu cho vay là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	-	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	153.702.655.145	18.752.655.145
Công ty cổ phần C - Holdings	6.846.369.008	8.914.631.779
Hợp tác xã Thành Công (i)	6.066.195.031	6.066.195.031
Công ty Cổ phần công nghệ Tệpa	319.917.530	319.917.530
Các đối tượng khác	4.845.359.759	1.780.311.292
	171.780.496.473	35.833.710.777

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công Ty TNHH Giải Pháp và Công Nghệ An Thịnh	384.300.000	384.300.000
Công ty TNHH Môi giới Masterise Agents	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MV1 Việt Nam	600.000.000	600.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Anh	100.530.000	100.530.000
Công Ty TNHH Địa Ốc Gia Phú	5.391.000.324	5.391.000.324
Công ty Nam Hồng - TNHH	1.682.930.936	1.682.930.936
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (i)	1.145.287.483.226	1.145.287.483.226
Công ty TNHH M Property	11.900.000.000	-
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn (ii)	38.691.853.014	38.691.853.014
Công ty Cổ phần Paradise Đại Lải (iii)	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn (iv)	7.244.267.734	7.744.267.734
Công ty Cổ phần Hateco Thăng Long	1.200.000.000	1.200.000.000
Công Ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành (v)	422.755.178.176	422.755.178.176
Công ty Cổ phần Thành Đạt VN (vi)	800.000.000.000	800.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (vii)	98.312.328.639	167.075.982.647
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDECON	11.900.000.000	-
Đình Thủy Dương	7.700.526.395	127.800.526.395
Tạm ứng cho nhân viên	71.820.069.020	62.966.743.493
Phải thu khác	37.274.080.315	4.435.746.487
	2.717.844.547.779	2.857.415.217.139

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược (viii)	1.303.004.940.863	1.281.101.787.125
Trong đó:		
- Tiền đảm bảo làm tổng đại lý phân phối các dự	1.299.627.421.366	1.277.724.267.628
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất		
động sản Thế kỷ	1.158.595.480.748	1.119.739.505.010
+ Công ty Cổ phần CNV Sài Gòn	5.640.000.000	5.640.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách	22.550.000.000	22.550.000.000
san Soleil		
+ Công ty Cổ phần Khai Sơn	8.000.000.000	8.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư	7.500.000.000	7.500.000.000
Xây dựng Đại Nam Sơn		
+ Công ty CP đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	6.300.000.000	6.300.000.000
+ Công ty Cổ phần TID (ix)	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	18.256.605.000	30.156.605.000
+ Các đối tượng khác	22.785.335.618	57.994.762.618
- Ký cược, ký quỹ khác	3.377.519.497	3.377.519.497
Phải thu dài hạn khác:		
Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh (x)	314.591.300.000	314.671.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại	761.441.970.942	761.441.970.942
Nhật Hằng (xi)		
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản	123.616.800.000	123.616.800.000
Thế Kỷ (xii)		
	2.502.655.011.805	2.480.831.858.067
Phải thu khác là các bên liên quan		
(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	1.314.453.153.482	1.291.197.177.744

(i) Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 251024/HĐHTĐT/GLX-CRE-CIV ngày 25/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (Galaxy), Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Thế Kỷ (Cen Invest) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (Cen Land)

- Mục đích hợp tác đầu tư: hợp tác đầu tư và kinh doanh đối với các bất động sản thuộc Dự án khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai làm chủ đầu tư.

- Số tiền góp: Cen Invest góp 650.000.000.000 VNĐ, Cen Land và Galaxy góp 1.289.356.500.000 VNĐ.

- Thời hạn hợp tác đầu tư: 48 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này.

(ii) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn nhằm mục đích cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của 14 lô đất thuộc Dự án khu nhà ở An Bình – Cần Thơ theo thỏa thuận đặt mua số 169/2020/TTĐM ngày 16/9/2020.

(iii) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần Paradise Đại Lải để đảm bảo việc ký kết các hợp đồng mua bán/chuyển nhượng đối với các sản phẩm bất động sản Dự án khu biệt thự và vui chơi giải trí Đại Lải tại xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng đặt cọc số 0306/2022/HĐĐC/CENLAND-PARADISE ngày 03/6/2022.

(iv) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần Cen Sài Gòn để đảm bảo nghĩa vụ đặt cọc theo Hợp đồng dịch vụ môi giới số 07/HĐDV-DIAMONDCITY/CENSAIGON-CENLAND và phụ lục 01 ngày 22/3/2022.

(v) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành (Hồng Lam Xuân Thành) để đảm bảo nghĩa vụ đặt cọc theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2022/HĐNT ngày 10/01/2022 về việc mua bán các sản phẩm bất động sản thuộc Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; và Phụ lục số 01 ngày 01/10/2022. Giá trị khoản đặt cọc tại ngày 31/3/2025 là: 422.755.178.176 VNĐ.

(vi) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Đạt VN để đảm bảo nghĩa vụ đặt cọc theo Hợp đồng nguyên tắc số 02/2022/HĐNT ngày 10/01/2022 về việc mua bán các sản phẩm bất động sản thuộc Dự án Khu dân cư Khe Cát, tại Khu Khe Cát, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; và Phụ lục số 01 ngày 03/10/2022.

(vii) Đây là khoản đặt cọc với Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land về việc chuyển nhượng các bất động sản thuộc Dự án Eco Central Park tại xã Hưng Hòa, TP Vinh, tỉnh Nghệ An theo phụ lục số 02 ngày 08/02/2024 kèm theo Hợp đồng số 014/2023/HĐDM ngày 01/4/2023. Đến 31/03/2025 Cen Land đã chuyển đặt cọc số tiền 98.312.328.639 VNĐ trên tổng 170.000.000.000 VNĐ số tiền đặt cọc theo Phụ lục Hợp đồng.

(viii) Chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng mà Công ty đã trả cho các chủ đầu tư, để thực hiện vai trò tổng đại lý phân phối sản phẩm bất động sản hình thành từ các dự án.

(ix) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần TID để đảm bảo nghĩa vụ đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc cho việc độc quyền cung cấp dịch vụ bất động sản số 301/2021/HĐĐC/TID-CRE ngày 30/01/2021 về việc Công ty là đơn vị độc quyền tư vấn, môi giới cho thuê các căn hộ dịch vụ tại Dự án Tiến Bộ Plaza, số 175 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

(x) Thỏa thuận đặt cọc nhận chuyển nhượng bất động sản tại Dự án khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu, đảo Tuần Châu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh ngày 28/12/2021 giữa Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh (Âu Lạc) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land).

Âu Lạc cam kết sẽ bán và Cen Land cam kết sẽ mua các bất động sản (nhà và đất) thuộc Dự án khu khách sạn và dịch vụ ven biển phía Đông Nam đảo Tuần Châu theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu khách sạn và dịch vụ ven biển Đông Nam đảo Tuần Châu số 5597/QĐ-UBND ngày 25/6/2020; và khu cảng tàu nam Tuần Châu theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu cảng tàu Nam Tuần Châu số 5573 ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh do Âu Lạc làm chủ đầu tư. Sau khi Dự án đủ điều kiện bán nhà ở và các bên đã ký các hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở hình thành trong tương lai, tiền đặt cọc sẽ được kết chuyển thành tiền thanh toán nhận chuyển nhượng bất động sản.

(xi) Đây là khoản đặt cọc của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Nhật Hằng để đảm bảo nghĩa vụ đặt cọc theo Hợp đồng nguyên tắc số 129/2022/HĐNT ngày 12/9/2022 về việc chuyển nhượng các sản phẩm tại Dự án biệt thự và vui chơi giải trí Đại Lải, tại xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

(xii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 072021/HĐ-HTĐT/TL-CIV-CRE ngày 16/7/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung số: 1607/2024/VBSĐBS/BCC ngày 16/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Thế kỷ (Cen Invest) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ (Cen Land).

Mục đích hợp tác đầu tư: thực hiện phát triển, kinh doanh và khai thác Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, trụ sở UBND và đường trục trung tâm xã Đông Tiến, huyện Yên Phong theo hình thức BT theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 667/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh và các lần điều chỉnh (nếu có).

Thời hạn hợp tác đầu tư: từ ngày 16/7/2021 - 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỲ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Phương án phân chia kết quả kinh doanh: mỗi bên sẽ được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối kỳ hợp tác đầu tư hoặc khi Cen Invest đã phân phối hết các sản phẩm thuộc Dự án và nhận được toàn bộ doanh thu hoặc được tạm ứng.

11. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	56.350.268.691	-	56.350.268.691	-
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5.391.000.324	-	5.391.000.324	-
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384.300.000	-	384.300.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	106.244.294	-	106.244.294	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	60.615.000	-	60.615.000	-
Công ty Cổ phần TID	343.870.941	-	343.870.941	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	39.683.691	-	39.683.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	45.898.815	-	45.898.815	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khách sạn Soleil	22.550.000.000	-	22.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn	22.373.972.812	-	22.373.972.812	-
Công Ty Cổ Phần TMS Bất Động Sản	3.727.756.578	-	3.727.756.578	-
Công ty Cổ phần EMPIRE PROPERTY	1.179.901.920	-	1.179.901.920	-
Công ty Cổ phần ECOLAND	147.024.316	-	147.024.316	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa bất động sản (i)	337.935.209.782	-	306.681.337.675	-
Cộng	337.935.209.782	-	306.681.337.675	-

- (i) Phản ánh giá trị các bất động sản bao gồm các căn hộ, đất nền Công ty mua từ chủ đầu tư để thực hiện kinh doanh bán lại.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	68.120.429	24.533.242
Chi phí sửa chữa văn phòng	22.454.545	483.031.575
Chi phí thuê văn phòng	862.616.534	741.014.041
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.359.084.194	1.745.488.919
	3.162.847.960	2.994.067.777
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	286.856.198	218.179.885
Chi phí sửa chữa văn phòng	446.672.712	1.025.055.250
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.726.765.498	726.431.374
	1.609.722.150	1.969.666.509

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	116.479.910.561	45.615.972.090	16.189.120.634	178.285.003.285
Mua sắm mới	-	-	-	-
Giảm khác	-	(660.514.546)	-	(660.514.546)
Số cuối kỳ	116.479.910.561	44.955.457.544	16.189.120.634	177.624.488.739
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	26.783.637.551	25.938.553.640	15.402.453.812	68.124.645.003
Trích khấu hao trong kỳ	1.086.521.486	1.169.707.279	148.681.415	2.404.910.180
Giảm khác	-	(360.847.932)	-	(360.847.932)
Số cuối kỳ	27.870.159.037	26.747.412.987	15.551.135.227	70.168.707.251
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	88.609.751.524	18.208.044.557	637.985.407	107.455.781.488
Số đầu năm	89.696.273.010	19.677.418.450	786.666.822	110.160.358.282

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 19.449.636.250 VNĐ

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	11.995.200.171	48.277.515.685	374.727.273	60.647.443.129
Mua sắm mới	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.995.200.171	48.277.515.685	374.727.273	60.647.443.129
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	-	17.702.293.605	374.727.273	18.077.020.878
Trích khấu hao trong kỳ	-	1.235.724.390	-	1.235.724.390
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	18.938.017.995	374.727.273	19.312.745.268
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	11.995.200.171	29.339.497.690	-	41.334.697.861
Số đầu năm	11.995.200.171	30.575.222.080	-	42.570.422.251

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.127.248.342 VNĐ

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại 31/3/2025 là:

- Sàn văn phòng làm việc tại tầng 2 + 3 Tòa nhà Dolphin Plaza, 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Nguyên giá: 135.127.481.829 VNĐ.

Hao mòn trong quý 1 năm 2025: 1.126.062.348 VNĐ.

Khấu hao lũy kế đến hết 31/3/2025: 15.389.518.786 VNĐ.

- Giá trị 44 căn hộ thuộc Dự án Trinity Tower được chuyển từ hàng tồn kho sang với mục đích cho thuê.

Nguyên giá: 56.524.081.775 VNĐ.

Hao mòn trong quý 1 năm 2025: 259.590.993 VNĐ.

Khấu hao lũy kế đến hết 31/3/2025: 1.025.999.512 VNĐ.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Bất động sản G.Empire	3.718.359.399	3.718.359.399	3.515.417.343	3.515.417.343
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thể Kỳ	3.210.271.715	3.210.271.715	21.830.271.715	21.830.271.715
Công ty Cổ phần Golf và lữ hành Thể Kỳ	177.436.603	177.436.603	177.436.603	177.436.603
Công ty Cổ phần Bất động sản AHS	2.162.817.493	2.162.817.493	2.044.017.493	2.044.017.493
Công ty Cổ phần Cen Academy	4.520.679	4.520.679	4.520.679	4.520.679
Công ty Cổ phần Cen HCM	6.367.964.207	6.367.964.207	6.367.964.207	6.367.964.207
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	8.936.282.186	8.936.282.186	9.270.046.350	9.270.046.350
Công ty cổ phần BDS Cen Sài Gòn	4.693.542.986	4.693.542.986	4.693.542.986	4.693.542.986
Công ty TNHH Cen Cuckoo	3.803.645.455	3.803.645.455	3.831.681.819	3.831.681.819
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	1.090.221.430	1.090.221.430	1.090.221.430	1.090.221.430
Các đối tượng khác	34.584.424.055	34.584.424.055	52.875.022.558	52.875.022.558
	68.749.486.208	68.749.486.208	105.700.143.183	105.700.143.183
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	37.500.976.110	37.500.976.110	65.811.492.044	65.811.492.044

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Khách hàng mua Dự án C-Skyview	2.362.481.233	4.887.317.471
Các đối tượng khác	1.670.835.658	1.384.435.587
	4.033.316.891	6.271.753.058

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	14.456.926.706	2.760.424.047	8.596.535.262	8.620.815.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.762.030.426	964.233.500	505.941.591	13.220.322.335
Thuế thu nhập cá nhân	45.879.897.339	9.813.314.846	1.637.744.217	54.055.467.968
Cộng	73.098.854.471	13.537.972.393	10.740.221.070	75.896.605.794

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay, trái phiếu	10.305.956.205	946.447.085
Chi phí hỗ trợ lãi suất	85.560.866	327.364.132
Chi phí môi giới và chi phí khác	3.213.494.518	17.462.377.015
	13.605.011.589	18.736.188.232
Chi phí phải trả ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	-	2.325.632.252

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, tài sản		
+ Dự án Trinity Tower	1.691.761.167	1.691.761.167
+ Các Dự án khác	1.348.002.613	1.104.566.370
- Doanh thu nhận trước Dự án Eco Central Park	3.818.840.395	-
- Doanh thu nhận trước khác	239.719.500	-
	7.098.323.675	2.796.327.537
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, tài sản		
+ Dự án Trinity Tower	68.051.395.902	68.055.155.893
	68.051.395.902	68.055.155.893
Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	232.569.500	232.161.348

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	126.255.023	126.255.023
Tiền đặt cọc mua căn hộ (i)	116.648.253.868	68.349.318.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.630.000.000	11.786.000.000
Phải trả khác	4.390.985.388	18.495.301.035
	132.795.494.279	98.756.874.758
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.461.626.929	7.886.626.929
	5.461.626.929	7.886.626.929
Phải trả phải nộp khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	12.093.405.189	14.518.405.189

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

- (i) Phản ánh số tiền đặt cọc mua căn hộ, liền kề, biệt thự... của các khách hàng tại các dự án do Công ty phân phối. Các khoản đặt cọc này sẽ được bù trừ vào giá trị thanh toán đợt 1 theo điều khoản Hợp đồng mua bán.

23. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	921.235.799.690	921.235.799.690	616.099.496.291	628.141.537.306	909.193.758.675	909.193.758.675
Vay dài hạn	511.944.452	511.944.452	134.950.000.000	110.833.332	135.351.111.120	135.351.111.120
Cộng	921.747.744.142	921.747.744.142	751.049.496.291	628.252.370.638	1.044.544.869.795	1.044.544.869.795

Chi tiết các khoản vay bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	909.193.758.675	921.235.799.690
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (i)	229.663.261.248	226.950.543.074
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (Vay thấu chi) (ii)	232.476.775.712	105.361.064.499
Ngân hàng TM CP Quân đội CN Đồng Đa (iii)	-	135.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Thiên Long (iv)	99.971.368.387	99.615.838.789
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà đến hạn trả	560.553.328	760.053.328
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (v)	346.521.800.000	353.548.300.000
Vay dài hạn	135.351.111.120	511.944.452
Ngân hàng TM CP Quân đội CN Đồng Đa (vi)	134.950.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (vii)	401.111.120	511.944.452

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/352851/HĐTD ngày 26/10/2023 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/2024/352851/HĐTD ngày 29/10/2024, hạn mức cho vay 300 tỷ đồng được sử dụng: bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cho hoạt động môi giới bất động sản (chi phí hoa hồng trả sàn liên kết) và các chi phí quản lý doanh nghiệp (tiền lương, thưởng...); chi phí bán hàng (marketing, quảng cáo, truyền thông...) không bao gồm nhu cầu vay vốn kinh doanh bất động sản thứ cấp, hợp tác đầu tư bất động sản.

Tài sản đảm bảo của khoản vay:

- Căn B2406, tòa B – Tòa nhà Sky City Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội;
- Sàn thương mại Dolphin - 28 Trần Bình – TP Hà Nội;
- 03 (Ba) thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư Lilaha;
- 03 (Ba) căn shop house Dự án The K Park của Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land;

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

- 02 (Hai) sàn dịch vụ tại ô C11-ODK4, Khu chung cư @Homes thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội của Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land;
- Căn B0607, tòa B – Tòa nhà Sky City Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Thế Kỷ;
- 05 (Năm) sàn Tầng 1, Tòa H, J, K, Khu chung cư cao tầng CT7, Khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản Thế Kỷ.

(ii) Vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà theo:

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 02/2024/352851/HĐTC ngày 19/4/2024 với hạn mức 20,97 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 4,4%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 03/2024/352851/HĐTC ngày 26/4/2024 với hạn mức 15,72 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 4,5%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 04/2025/352851/HĐTC ngày 20/3/2025 với hạn mức 39,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 4,8%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 05/2024/352851/HĐTC ngày 03/6/2024 với hạn mức 29,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 4,5%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 1709/2024/352851/HĐTD ngày 17/9/2024 với hạn mức 19,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 5%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 1401/2025/352851/HĐTD ngày 14/01/2025 với hạn mức 60 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn ngắn hạn thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 6%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2025/352851/HĐTC ngày 07/3/2025 với hạn mức 19,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 5%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 02/2025/352851/HĐTC ngày 07/3/2025 với hạn mức 29,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 5%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.
- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 03/2025/352851/HĐTC ngày 11/3/2025 với hạn mức 19,99 tỷ đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: 4,8%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng.

(iii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 100514.22.059.566543.TD ngày 17/02/2023, số tiền cho vay tối đa 184 tỷ đồng được sử dụng: thanh toán chi phí đầu tư phân phối 39 lô đất tại Dự án Paradise Đại Lải, Vĩnh Phúc. Thời hạn cho vay tối đa 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, chi tiết thời hạn cho vay tại từng lần giải ngân và nhận nợ. Số nợ gốc tại ngày 31/3/2025: 0 VNĐ;

Tài sản đảm bảo của khoản vay: 41 (Bốn mươi một) bất động sản tại xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số: 100514.22.059.566543.TD.PL ngày 20/02/2024, sau khi cơ cấu lại, thời hạn trả nợ gốc là ngày 20/02/2025.

(iv) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina chi nhánh Thiên Long Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/2024/HĐHM/IVBTL-CEN ngày 12/12/2024, hạn mức cho vay 100 tỷ đồng được sử dụng: tài trợ nhu cầu vốn lưu động (không bao gồm đặt cọc cho các hợp đồng hợp tác đầu tư (hoặc các hình thức tương tự) để thực hiện các dự án đầu tư).

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tài sản đảm bảo của khoản vay: Sàn văn phòng tầng 4 Tòa nhà The Golden Palm.

Số nợ gốc tại ngày 31/3/2024: 99.971.368.387 VNĐ.

(v) Phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư thứ cấp các Dự án bất động sản, cho vay để góp vốn vào các Dự án bất động sản. Theo đó:

- Tổng giá trị phát hành: 450 tỷ VNĐ;
- Mệnh giá: 100.000 VNĐ/trái phiếu;
- Lãi suất: năm đầu tiên cố định 10,5%/năm. Các năm sau: thả nổi được điều chỉnh 12 tháng/lần và được xác định bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng gồm: ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Sở giao dịch) + 4%/năm. Tuy nhiên lãi suất thả nổi này không thấp hơn 10,5%/năm.
- Theo Nghị quyết hội nghị người sở hữu trái phiếu ngày 24/01/2025 về việc Lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái phiếu mã CRE200201 về việc sửa đổi, bổ sung Bản Công Bố Thông tin, Trái phiếu mã CRE202001 của Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ. Tại ngày 03/02/2025 và ngày 07/02/2025 Cen Land đã mua lại trái phiếu với giá trị mua lại là: 7.0265700.000 VNĐ. Đồng thời tổng số trái phiếu còn lại với giá trị: 346.521.800.000 VNĐ được gia hạn thời gian thanh toán đến ngày 13/10/2025 với lãi suất được điều chỉnh từ ngày 01/02/2025 -13/10/2025 là 10,5%/năm.

(vi) Vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cấp tín dụng số 285768.25.059.566543.TD ngày 18/3/2025, số tiền cho vay tối đa 140 tỷ đồng được sử dụng: thanh toán tiền mua 34 căn Villa tại Dự án Hoa Tiên Paradise, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng mua bán giữa Cen Land và Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành.

- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (31/3/2025).
- Số nợ gốc tại ngày 31/3/2025: 134.950.000.000 VNĐ;
- Tài sản đảm bảo của khoản vay: 39 (Ba mươi chín) bất động sản tại xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

(vii) Vay trung hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng tín dụng theo món số: 06/2024/352851/HĐTD ngày 06/8/2024

- Số tiền vay: 970.000.000 VNĐ.
- Mục đích vay: đầu tư tài sản bảo đảm là xe ô tô phục vụ nhu cầu di chuyển của doanh nghiệp;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cố định: 7,2%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các tháng tiếp theo lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng + biên độ 3%/năm. Lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/3/2024							
Số dư đầu kỳ	4.636.785.340.000	149.798.900.000	(1.080.000)	131.976.589.086	36.000.000.000	504.149.986.272	5.458.709.735.358
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	9.603.226.634	9.603.226.634
Số dư cuối kỳ	4.636.785.340.000	149.798.900.000	(1.080.000)	131.976.589.086	36.000.000.000	513.753.212.906	5.468.312.961.992
Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/3/2025							
Số dư đầu kỳ này	4.636.785.340.000	149.798.900.000	(1.080.000)	131.976.589.086	36.000.000.000	548.819.290.920	5.503.379.040.006
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	2.067.474.530	2.067.474.530
Số dư cuối kỳ này	4.636.785.340.000	149.798.900.000	(1.080.000)	131.976.589.086	36.000.000.000	550.886.765.450	5.505.446.514.536

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới bất động sản	84.768.625.952	190.911.412.649
Doanh thu đầu tư bất động sản	2.633.862.032	263.900.189.353
Doanh thu cho thuê văn phòng và khác	12.668.629.146	10.489.510.949
	100.071.117.130	465.301.112.951
 Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 33)	 13.233.409.215	 7.024.505.334

26. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn môi giới bất động sản	56.110.747.013	172.908.016.379
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	2.046.259.100	218.514.194.976
Giá vốn cho thuê văn phòng và khác	7.791.021.914	8.613.113.755
	65.948.028.027	400.035.325.110

Các thuyết minh kèm theo là một phần hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	721.841.973	982.005.860
Các khoản chi phí bán hàng khác	531.277.151	3.126.953.137
	1.253.119.124	4.108.958.997
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.850.959	1.451.439.225
Chi phí nhân công	5.022.735.015	4.270.685.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.561.118.372	2.784.299.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.664.703.956	3.275.912.222
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.696.749.891	13.270.683.307
	12.972.158.193	25.053.019.599

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.364.377.175	11.291.906.315
Lãi hoạt động đầu tư trái phiếu	-	424.556.175
	2.364.377.175	11.716.462.490

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	8.366.116.286	6.439.526.783
Lãi trái phiếu phải trả	9.489.283.800	10.577.390.833
	17.855.400.086	17.016.917.616

30. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	363.636.364	45.454.545
Các khoản khác	335.375.319	18.457.831
	699.011.683	63.912.376

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khấu hao tài sản cố định	270.000.411	270.000.411
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	299.666.614	-
Các khoản khác	1.503.222.819	18.523.395.126
	2.072.889.844	18.793.395.537

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.032.910.714	12.073.870.958
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.773.223.231	270.000.412
Thu nhập chịu thuế	4.806.133.945	12.343.871.370
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	961.226.789	2.468.774.274
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	961.226.789	2.468.774.274

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỷ
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN
Công ty TNHH Cen Cuckoo
Công ty Cổ phần Cen Academy
Công ty Cổ phần Bất động sản An Holding
Công ty TNHH Cen Prime
Công ty Cổ phần CEN HCM
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế Kỷ

Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ

Công ty Cổ phần CEN Hải Phòng

Công ty Cổ phần CEN Hưng Yên

Công ty Cổ phần CEN Vĩnh Phú (đổi tên từ Công ty Cổ phần CEN Vĩnh Phúc)
Công ty Cổ phần CEN Thanh Hóa

Công ty Cổ phần CEN Khánh Hòa

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Ông Nguyễn Trung Vũ là Chủ tịch HĐQT của Cen Land đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỷ
Ông Phạm Thanh Hưng là Phó Chủ tịch HĐQT của Cen Land đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN
Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN
Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN
Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN
Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần CEN Miền Trung

Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh

Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ (đổi tên từ Công ty Cổ phần CEN Nghệ An)

Công ty Cổ phần CEN Stay

Công ty Cổ phần CEN Zone

Công ty Cổ phần CEN Quảng Ninh

Công ty Cổ phần CEN Housing

Công ty Cổ phần CEN Bình Định

Công ty Cổ phần CEN Đông Bắc

Công ty Cổ phần CEN Bình Thuận

Công ty Cổ phần CEN Bình Dương

Công ty Cổ phần CEN Cần Thơ

Công ty Cổ phần Ngôi sao UNIK

Công ty Cổ phần CNV Sài Gòn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng Tây Hồ

và các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người liên quan

Mối quan hệ

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN

Công ty con của Công ty Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới

- Bà Vũ Thị Xuân Giang là Phó tổng giám đốc của Cen Land đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty này.

- Bà Vũ Thị Xuân Giang là Phó tổng giám đốc của Cen Land đồng thời là Giám đốc Công ty

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	1.293.734.795	9.956.497
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	86.399.808	168.840.000
Công ty Cổ phần Cen HCM	168.181.818	-
Công ty Cổ phần Bất động sản An Holding	635.281.830	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	207.372.782	405.654.654
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	-	-
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	174.737.255	174.737.256
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	-	158.661.348
Công ty TNHH Cen Cuckoo	1.399.636.363	2.116.860.265
Công ty Cổ phần Cen Housing	-	-
Công ty Cổ phần Cen Academy	7.046.265.163	3.944.340.769
Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ	1.739.750.485	-
Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh	482.048.916	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng Tây Hồ	-	45.454.545
	13.233.409.215	7.024.505.334
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	-	4.158.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	936.889.931	1.882.290.904
Công ty Cổ phần Cen HCM	-	1.091.643.793
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	1.327.534.818	1.340.337.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	272.709.398	144.641.059.587
Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh	-	72.116.910
Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ	192.257.470	-
Công ty Cổ phần Cen Cuckoo	85.719.745	-
	2.815.111.362	153.185.448.467
Giá trị hàng mua trả lại nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần CEN Thanh Hoá	-	68.559.176
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	-	146.363.636
	-	214.922.812
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kê toán như sau:		
	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	53.257.983.646	53.257.983.646
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	947.225.888	677.426.438
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	81.997.402.756	98.574.294.481
Công ty Cổ phần Bất động sản An Holding	698.810.012	-
Công ty TNHH Cen Prime	185.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	822.728.690	822.728.690
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	22.045.000	22.045.000
Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ	216.390.496	340.023.322
Công ty Cổ phần CEN Miền Trung	295.176.636	295.176.636
Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh	480.253.808	-
Công ty Cổ phần Cen Housing	629.167.400	629.167.400
Công ty Cổ phần Cen Academy	40.452.132.585	33.289.713.410

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỲ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp Theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	133.513.524	395.304.747
Công ty TNHH Cen Cuckoo	2.237.684.787	1.248.084.787
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	5.413.635.079	5.413.635.079
Công ty Cổ phần Cen HCM	2.830.495.471	1.946.033.971
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	2.063.510.087	1.835.400.027
Công ty Cổ phần Cen Bình Thuận	111.000.000	111.000.000
Công ty Cổ phần CNV Sài Gòn	19.556.382.025	19.556.382.025
	212.350.537.890	218.414.399.659
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	1.282.212.280.748	1.243.356.305.010
Công ty Cổ phần Cen HCM	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	18.256.605.000	30.156.605.000
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ	-	3.200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	7.244.267.734	7.744.267.734
Công ty Cổ phần CNV Sài Gòn	5.640.000.000	5.640.000.000
	1.314.453.153.482	1.291.197.177.744
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH TMĐT Ngôi Nhà Thế Kỷ	3.210.271.715	21.830.271.715
Công ty TNHH Cen Cuckoo	3.803.645.455	3.831.681.819
Công ty Cổ phần Cen HCM	6.367.964.207	6.367.964.207
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	4.693.542.986	4.693.542.986
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	8.936.282.186	9.270.046.350
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	2.436.390.482	3.296.613.707
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	177.436.603	177.436.603
Công ty Cổ phần CEN Bắc Trung Bộ	459.506.766	248.023.549
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Cen Bình Định	1.470.097.114	1.470.097.114
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	1.090.221.430	1.090.221.430
Công ty Cổ phần Cen Bình Thuận	517.292.052	517.292.052
Công ty Cổ phần CEN Hải Phòng	73.382.402	107.509.352
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	-	8.645.848.448
Công ty Cổ phần CEN Miền Trung	2.722.397.552	2.722.397.552
Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh	1.032.380.432	1.032.380.432
Công ty Cổ phần Cen Housing	5.644.049	5.644.049
Công ty Cổ phần Cen Academy	4.520.679	4.520.679
	37.500.976.110	65.811.492.044
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	-	2.325.632.252
	-	2.325.632.252

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp Theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần CEN Thanh Hoá	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Cen Academy	1.732.272.727	4.157.272.727
Công ty Cổ phần CEN Hải Phòng	880.000.000	880.000.000
Công ty Cổ phần CEN Bắc Ninh	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN	5.650.000.000	5.650.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	116.616.090	116.616.090
Công ty Cổ phần Cen Housing	654.516.372	654.516.372
	12.093.405.189	14.518.405.189
Doanh thu chưa thực hiện		
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	232.569.500	-
Công ty Cổ phần Cen Academy	-	73.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Phố Xanh Group	-	158.661.348
	232.569.500	232.161.348


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Phạm Đức Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 4 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này